

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Hành động thực hiện chiến lược dân số Việt Nam Giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa**

#### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương Đảng(khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp với vùng, đối tượng đến năm 2030”;

- Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Kế hoạch hành động số 105/KH-TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới;

- Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 20/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

#### **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai các giải pháp toàn diện, đồng bộ nhằm giải quyết các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đưa mức sinh về mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con); đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Đến năm 2025**

- **Mục tiêu 1:** Tiếp tục giảm sinh, đưa về mức sinh thay thế
  - + Quy mô dân số: 3.774.015 triệu người;
  - + Tổng tỉ suất sinh (TFR): 2,1 con/phụ nữ;
  - + Tỉ suất sinh thô giảm trung bình hàng năm: 0,1‰;
  - + 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản;
  - + Giảm 60% số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.
- **Mục tiêu 2:** Kiểm soát tốc độ gia tăng, từng bước đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.
  - + Tỉ số giới tính khi sinh về mức 112 bé trai/100 bé gái sinh ra sống;
  - + Tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 23%, tỉ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 10%, tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.
- **Mục tiêu 3:** Nâng cao chất lượng dân số
  - + Tỉ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 50%;
  - + Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 60%;
  - + Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%;
  - + Tuổi thọ bình quân đạt 74,5 tuổi, trong đó thời gian khỏe mạnh tối thiểu 67 năm;
    - Giảm 30% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống.
- **Mục tiêu 4:** Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng - an ninh
  - + Thúc đẩy đô thị hóa, đưa tỉ lệ dân số đô thị đạt 34%;
  - + Tiếp tục thực hiện bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở các vùng biển, ven biển, vùng đặc biệt khó khăn;
  - + Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.
- **Mục tiêu 5:** Hoàn thành xây dựng, vận hành và kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
  - + 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn tỉnh.

+ Dữ liệu chuyên ngành dân số được đưa vào sử dụng để xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

- **Mục tiêu 6:** Phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh.

+ Tiếp tục thực hiện tốt chiến lược về đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư, tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm;

+ Đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

- **Mục tiêu 7:** Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thực hiện thành công chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi;

+ Đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh của người cao tuổi với chất lượng ngày càng cao, chi phí và hình thức phù hợp (tại các cơ sở y tế, tại nhà,...);

+ Xây dựng môi trường xã hội thân thiện với người cao tuổi, có 50% số xã, phường đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi;

+ 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được lập sổ theo dõi và quản lý sức khỏe, khám và chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung;

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y dược Cổ truyền và các bệnh viện tuyến huyện, thị xã, thành phố tổ chức buồng khám bệnh riêng cho người cao tuổi tại khoa khám bệnh, bố trí giường nội trú cho người cao tuổi.

## 2.2. Đến năm 2030

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con); quy mô dân số đạt 3.966.529 người (tỉ lệ tăng dân số bình quân hàng năm 1,0%).

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 70% số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỉ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Tỉ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; giảm 50% số cặp tảo hôn và không có hôn nhân cận huyết thống; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thể BHYT, được quản lý sức khỏe,

được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung; thành lập bệnh viện lão khoa tuyến tỉnh và khoa lão khoa tại các bệnh viện tuyến huyện.

- Chiều cao người 18 tuổi đối với nam, nữ và chỉ số phát triển con người của tỉnh đạt tương đương so với các tỉnh trong cùng khu vực.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 41% bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng núi, vùng núi cao, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số của tỉnh được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc; 100% ngành, lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền**

Tổ chức thực hiện nghiêm Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh về triển khai Kế hoạch hành động số 105/KH-TU ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 20/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về chuyên trọng tâm chính sách dân số từ KHHGD sang dân số và phát triển.

Xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa về truyền thông, điều chỉnh mức sinh, tầm soát các dị dạng, bệnh tật trước sinh và sơ sinh, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giảm tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...

Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức bộ máy đặc biệt là cán bộ dân số xã và y tế thôn và bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu về công tác dân số của tỉnh đã đề ra; nâng cao công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ cho các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số.

Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có đủ hai con tại 9 huyện có mức sinh <2,1 con, giảm sinh tại 18 huyện có mức sinh cao, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

#### **2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số**

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung tại Kế hoạch số 105-KH/TU, Kế hoạch số 201/KH-UBND, Chỉ thị số 24-CT/TU, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị

và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới:

- Tiếp tục thực hiện giảm sinh để đạt mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường tuyên truyền xã hội hóa về dân số và phát triển: khám sức khỏe tiền hôn nhân; khám sức khỏe trước khi quyết định có thai; thực hiện tầm soát, sàng lọc chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; chấp nhận phương tiện tránh thai và dịch vụ sức khỏe sinh sản theo hình thức xã hội hóa...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào toàn dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe tâm vóc, thể lực người dân Thanh Hóa. Thường xuyên tổ chức các giải thể thao phong trào, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, giảm đến mức thấp nhất và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường trên địa bàn; hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

### **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số**

- Rà soát một số quy định về xử lý vi phạm trong công tác dân số đề xuất các Bộ, Ngành liên quan điều chỉnh hoặc bãi bỏ nếu không còn phù hợp; nghiên cứu các chính sách, biện pháp điều chỉnh mức sinh phù hợp của từng vùng, từng huyện đến năm 2030.

- Rà soát, bổ sung, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối tượng chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, nơi mức sinh cao trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ KHHGD.

- Rà soát các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn, chẩn đoán giới tính thai nhi; nghiêm cấm việc nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, lưu hành các sản phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, lựa chọn giới tính trước khi sinh.

- Nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế, xử lý hành vi lạm dụng khoa học - công nghệ trong chẩn đoán giới tính thai nhi, can thiệp lựa chọn giới tính trước sinh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách, chế độ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung; cụ thể hóa các quy định của nhà nước về xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo phương thức hợp tác công tư; quy định chi tiết, cụ thể chính sách khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Rà soát, điều chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất trên cơ sở xem xét đầy đủ xu hướng vận động của các yếu tố dân số.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố phù hợp với các quy định của pháp luật; lồng ghép với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

- Có chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số. Rà soát, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ công tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố. Bổ sung nội dung, định mức chi công tác dân số trong phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước.

#### **4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

- Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ KHHGD bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGD, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGD cơ bản.

- Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

- Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

- Phát triển hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

- Ưu tiên đầu tư nguồn lực để phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... được bình đẳng về cơ hội tham gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục thể thao rèn luyện, nâng cao sức khỏe, thể lực và tầm vóc.

#### **5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số**

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển, đưa nội dung này là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh. Trong đó, ưu tiên các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố và lồng ghép các yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực.

- Tập trung nghiên cứu làm rõ mối quan hệ có tính quy luật giữa động thái dân số (sự thay đổi về quy mô, cơ cấu, phân bố dân số) với phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Chú trọng nghiên cứu biện pháp thực hiện các mục tiêu đưa mức sinh về mức sinh thay thế thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức mạng lưới thu thập thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất dùng chung. Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số cơ sở.

## **6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi; sản xuất, phân phối phương tiện tránh thai.

- Bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn đầu tư cho các nội dung công tác dân số và phát triển do ngân sách tỉnh bảo đảm; đồng thời xây dựng chính sách, kế hoạch cụ thể huy động các nguồn vốn khác để thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh.

- Bố trí nguồn ngân sách của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về công tác DS-KHHGD gồm:

+ Mua vật tư phương tiện tránh thai và chi phí cung cấp dịch vụ KHHGD cho các đối tượng được miễn phí theo quy định;

+ Xây dựng duy trì, cập nhật hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của các chương trình, dự án tại địa phương;

+ Hỗ trợ cho cán bộ dân số, thù lao cán bộ chuyên trách, cộng tác viên (trong đó bao gồm nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên dân số);

+ Đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cấp cơ sở;

+ Hỗ trợ quản lý chương trình tại địa phương; kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình;

+ Hỗ trợ triển khai các mô hình đề án có liên quan trên địa bàn đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số và phát triển;

+ Kinh phí truyền thông.

## **7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo**

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh

gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất:

- + Cấp tỉnh: Giữ nguyên Chi cục Dân số-KHHGD như hiện tại.
- + Cấp huyện: Đảm bảo đủ 6 cán bộ làm công tác dân số và phát triển thuộc Trung tâm Y tế huyện.
- + Cấp xã: bố trí 01 cán bộ thực hiện công tác dân số và phát triển tại xã.
- + Cấp thôn, bản: xây dựng đội ngũ cộng tác viên dân số tại các thôn, bản, khu phố.
- Xây dựng các đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ các bộ làm công tác dân số các cấp trình cấp có thẩm quyền. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trên địa bàn tỉnh.
- Thực hiện chế độ đãi ngộ phù hợp về vật chất và tinh thần đối với đội ngũ cộng tác viên dân số ở cơ sở.

### **8. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Đa dạng hóa các hoạt động quốc tế trong lĩnh vực dân số trên địa bàn tỉnh. Tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn về dân số và phát triển. Hợp tác, tiếp nhận hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước tiên tiến, các tổ chức quốc tế.

## **IV. KINH PHÍ**

- Ngân sách Trung ương từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu (nếu có).
- Ngân sách địa phương bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các Chương trình, Dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thời gian thực hiện**

#### **- Giai đoạn 1: Từ năm 2020 - 2021**

- Xây dựng kế hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về Dân số trên địa bàn toàn tỉnh.
- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số.

#### **- Giai đoạn 2: Từ năm 2021 - 2025**

Triển khai đồng bộ các chương trình, Đề án thực hiện Kế hoạch Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **2. Các chương trình, đề án thực hiện kế hoạch (tại Phụ lục kèm theo)**

### **3. Nhiệm vụ của các sở, ngành và địa phương**

Theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 11/12/2018 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Kế hoạch hành động số 105-KH/TU ngày 8/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới; xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động; chỉ đạo lồng ghép các yếu tố dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Dân số.

#### **3.1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện đạt kết quả Kế hoạch này, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch liên quan do các sở, ngành chủ trì thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết và tổng kết hàng năm.

#### **3.2. Sở Tư pháp:**

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản của tỉnh trong triển khai thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành; phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số.

#### **3.3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và giảm nghèo theo định hướng của Kế hoạch hành động.

#### **3.4. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi các cơ quan báo chí, truyền thông thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số trong tình hình mới.

#### **3.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

Tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung dân số vào các hoạt động của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; các hoạt động tuyên truyền văn hóa, các buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu mỗi gia đình có 2 con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững; phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn việc đưa nội dung dân số vào hương ước, quy ước của thôn, khu phố.

#### **3.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Triển khai các chương trình, đề án, dự án về xây dựng nông thôn mới, di dân tái định cư trên địa bàn tỉnh.

### **3.7. Sở Nội vụ:**

Phối hợp với Sở Y tế thẩm định đề án tổ chức bộ máy và nhân lực làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn, quy định của Trung ương; vận động các chức sắc, người có uy tín trong các tôn giáo tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách Dân số - KHHGD; hướng dẫn khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện tốt chính sách dân số trên địa bàn tỉnh nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm.

### **3.8. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Phối hợp với Sở Y tế triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh tại các trường phổ thông.

### **3.9. Ban Dân tộc tỉnh:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”. Phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị, thành phố giám sát; kiểm tra việc thi hành các chính sách dân số, tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

### **3.9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan lồng ghép các chỉ báo dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu đặt ra trong Kế hoạch.

### **3.10. Sở Tài chính:**

Trên cơ sở dự toán do đơn vị chủ trì xây dựng, phối hợp Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hàng năm, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về lĩnh vực dân số.

### **3.11. Cục Thống kê tỉnh:**

Phối hợp với Sở Y tế thu thập, chia sẻ đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu về dân số cho các cơ quan có liên quan phục vụ việc quản lý chương trình dân số và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **3.12. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa:**

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp về công tác dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

### **3.13. Công an tỉnh, BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách về dân số đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng; tham gia các hoạt động dân số gắn với công tác bảo vệ an ninh biên giới ở các xã

biên giới trên địa bàn tỉnh.

### **3.14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:**

Chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn quản lý; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt là lồng ghép các yếu tố dân số trong công tác xây dựng kế hoạch và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

### **3.15. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội**

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân trong việc thực hiện các chính sách dân số; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số.

Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, ban ngành, đoàn thể và UBND các huyện, thị, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; **định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (gửi về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo).

Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Y tế; Tổng cục Dân số/KHHGD (để báo cáo);
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh (để th/hiện);
- UBND các /huyện/thị xã/ thành phố (để th/hiện);

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Đăng Quyền**

**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN**  
**Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2020-2025,**  
**tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2020)*

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền</b>			
<b>1</b>	<b>Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố</b>			
1.1	Tăng cường lãnh, chỉ đạo toàn diện công tác Dân số và phát triển tại địa phương, đơn vị	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ban ngành		2020 - 2025
1.2	Xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu cơ bản theo tinh thần kế hoạch của tỉnh phù hợp với địa phương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ngành liên quan	2020
<b>2</b>	<b>Sở Kế hoạch và Đầu tư</b>			
	Lồng ghép biến Dân số vào các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh	Sở Kế hoạch và ĐT	Các sở, ngành liên quan	2020 - 2025
<b>3</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>			
	Xây dựng các quy định cụ thể đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và trách nhiệm của mỗi gia đình trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan	2020
<b>II</b>	<b>Đổi mới truyền thông, vận động về dân số</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
	Xây dựng Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan	2020
<b>2</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>			
	Đưa công tác dân số là một trong những nội dung truyền thông thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng tạo sức lan tỏa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan	2020 - 2025

	sâu rộng trong toàn xã hội			
<b>3</b>	<b>Sở Giáo dục và đào tạo</b>			
	Xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh	Sở Giáo dục và đào tạo	Các sở, ngành liên quan	2020 - 2025
<b>III</b>	<b>Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
1.1	Thực hiện công tác thanh, kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
1.2	Xây dựng, ban hành chế độ khuyến khích tinh thần, vật chất đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
1.3	Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ các văn bản về công tác dân số không còn phù hợp với các quy định hiện hành	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
<b>2</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>			
2.1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn nhằm thống nhất các tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc trong thời kỳ mới; hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
2.2	Xây dựng kế hoạch sửa đổi, bổ sung các chính sách liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
2.3	Xây dựng, ban hành hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của cộng đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành liên quan	2020-2021
<b>IV</b>	<b>Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện đề án “Củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
1.2	Xây dựng Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh	Sở Y tế	Các Sở, ngành	2020

	và sơ sinh đến năm 2030		liên quan	
1.3	Kế hoạch Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021-2030			
1.4	Xây dựng Đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
1.5	Xây dựng Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
1.5	Xây dựng Kế hoạch về triển khai thực hiện “Xã hội hóa phương tiện tránh thai. Dịch vụ KHHGD và hàng hóa sức khỏe sinh sản giai đoạn 2021-2030	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
<b>2</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>			
2.1	Triển khai các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và giảm nghèo.	Sở LĐ,TB&XH	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
2.2	Xây dựng Đề án phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn tỉnh.	Sở LĐ,TB&XH	Các Sở, ngành liên quan	2020-2021
<b>V</b>	<b>Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
	Xây dựng Đề án củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
<b>2</b>	<b>Công an tỉnh</b>			
	Triển khai thực hiện Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác dân số trong tình hình mới.	Công an tỉnh	Các Sở, ngành liên quan	2020
<b>VI</b>	<b>Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Tài chính</b>			
1.1	Cân đối bố trí nguồn ngân sách của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số để đạt được các mục tiêu của kế hoạch	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
1.2	Rà soát, bổ sung nội dung, định mức chi cho công tác dân số từ ngân sách địa phương	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025

<b>2</b>	<b>Sở Y tế</b>			
	Xây dựng chính sách, kế hoạch cụ thể huy động các nguồn vốn khác để thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
<b>VIII</b>	<b>Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
1.1	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020
1.2	Tham mưu xây dựng, tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương	Sở Y tế	Sở Nội vụ, Sở Tài chính	2020
1.3	Xây dựng phương án Thành lập Trung tâm Tư vấn và cung ứng dịch vụ DS-KHHGD trực thuộc Chi cục Dân số - KHHGD	Sở Y tế	Sở Nội vụ; các sở, ngành liên quan	2021-2025
<b>2</b>	<b>Sở Nội vụ</b>			
	Thẩm định các đề án, phương án, mô hình tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp do Sở Y tế xây dựng trình Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025
<b>VIII</b>	<b>Tăng cường hợp tác quốc tế</b>			
<b>1</b>	<b>Sở Y tế</b>			
	Tham gia các hoạt động quốc tế, tổ chức, diễn đàn về dân số và phát triển; hợp tác, tiếp nhận hỗ trợ về tài chính, tri thức, kinh nghiệm và kỹ thuật của các nước tiên tiến, các tổ chức quốc tế trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	2020 - 2025